

BÁO CÁO

Thường niên năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH.
 - + Tên giao dịch quốc tế: Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company.
 - + Tên viết tắt: QNTPJSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/08/2020.
- Vốn điều lệ: 4.500.000.000.000 (*Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 5.292.461.172.809 đồng, bao gồm cả thặng dư vốn cổ phần và vốn khác của chủ sở hữu.
- Địa chỉ: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0203)3657539; Số fax: (0203)3657540.
- Website: <http://www.quangninhhtpc.com.vn>.
- Mã cổ phiếu: QTP - Mã cổ phiếu của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM từ ngày 16/3/2017.
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày 04/02/2002, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh thành lập theo Thông báo số 20/VPCP-TB của Văn phòng Chính phủ theo hình thức Công ty cổ phần nhà nước gồm: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Than Việt Nam, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các doanh nghiệp khác có năng lực về vốn tham gia thực hiện dự án;

+ Ngày 16/12/2002, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm:

- (i) Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN);
- (ii) Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);
- (iii) Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA);
- (iv) Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX);
- (v) Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;

+ Ngày 23/9/2003, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (NMD Quảng Ninh) tại văn bản số 1278/CP-CN, gồm những nội dung chính như sau:

- Đồng ý đầu tư NMD Quảng Ninh với công suất 600MW và có tính đến việc đầu tư một số công trình dùng chung cho quy mô công suất 1.200MW;
- Dự án được áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, dùng vốn vay thương mại của các tổ chức tín dụng nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước được phép cho Công ty vay vượt 15% vốn tự có của từng ngân hàng đối với dự án này.

+ Ngày 19/05/2004, khởi công san nền NMD Quảng Ninh;

+ Ngày 31/10/2005, ký Hợp đồng EPC NMD Quảng Ninh;

+ Ngày 02/04/2006, khởi công Nhà máy chính NMD Quảng Ninh;

+ Ngày 16/11/2006, ký Hợp đồng EPC NMD Quảng Ninh 2;

+ Ngày 28/05/2007, khởi công Nhà máy chính NMD Quảng Ninh 2;

+ Ngày 12/05/2009, Tổ máy (TM) số 1 NMD Quảng Ninh chính thức được hòa đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy (RTR) vào tháng 3/2010 và được cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) có điều kiện vào tháng 07/2011;

+ Ngày 02/6/2010, TM2 NMD Quảng Ninh được hòa đồng bộ vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 10/2010 và được cấp PAC vào tháng 04/2011;

+ Ngày 01/7/2012, cả 02 TM NMD Quảng Ninh chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;

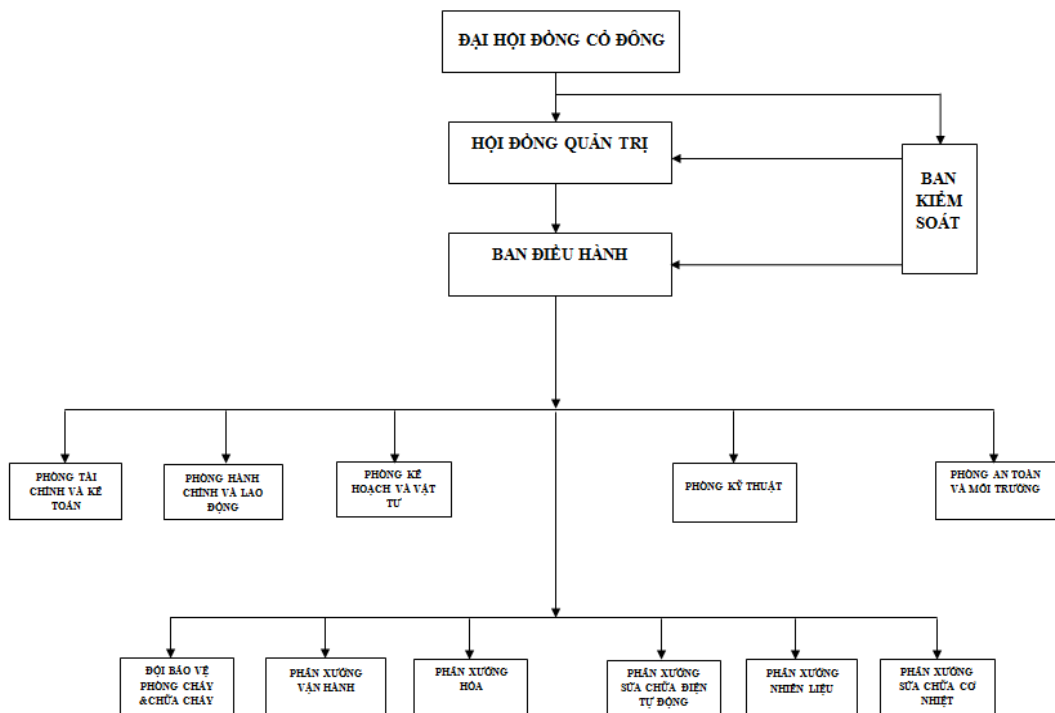
- + Ngày 13/12/2012, TM3 NMD Quảng Ninh 2 hòa đồng bộ lần đầu và chính thức phát điện vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 6/2013 và được cấp PAC từ ngày 01/01/2014;
- + Ngày 09/9/2013, TM4 NMD Quảng Ninh 2 chính thức hoà đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 01/2014 và được cấp PAC từ ngày 16/03/2014;
- + Ngày 01/6/2015, cả 02 TM NMD Quảng Ninh 2 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
- + Ngày 13/01/2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMD-QN, hợp nhất hai Hợp đồng mua bán điện NMD Quảng Ninh và NMD Quảng Ninh 2 với EVN;
- + Ngày 10/01/2022, Công ty có Quyết định số 19/QĐ-NĐQN phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh điện.
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Gồm có 05 Phòng, 05 Phân xưởng và 01 đội bảo vệ PCCC.



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Đảm bảo vận hành các TM an toàn - liên tục - kinh tế - môi trường. Sản lượng điện thương phẩm hàng năm theo thiết kế đạt từ 6,501 tỷ kWh trở lên theo hợp đồng mua bán điện (PPA);
- + Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng năm ổn định, có hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao với mức lợi nhuận đạt ở mức hợp lý;
- + Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa, cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của Hệ thống điện quốc gia, đặc biệt kế hoạch vận hành mùa khô hàng năm. Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đầy đủ;
- + Đảm bảo và phát triển vốn của các Cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động của Công ty;
- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phối hợp tham gia các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Bám sát thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm và kế hoạch trung hạn; đem lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông;
- + Tiếp tục thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng, củng cố nâng cao độ sẵn sàng, hiệu suất của thiết bị; giảm dần suất hao nhiệt;
- + Tập trung thực hiện các đề án, dự án liên quan nhằm đảm bảo các thông số môi trường;
- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phối hợp tham gia các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- + Tiếp tục thực hiện các hợp đồng xử lý, tiêu thụ tro bay với các đơn vị bao tiêu xử lý, góp phần giảm thiểu lượng tro xỉ thải lên bãi thải xỉ của Nhà máy cũng như tăng doanh thu cho Công ty;
- + Vận hành ổn định, liên tục hệ thống kết nối, khai báo số liệu quan trắc môi trường tự động và hệ thống quan trắc nước làm mát bình ngưng theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Ninh;
- + Thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo Quy chuẩn;

- + Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự phát triển bền vững và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- + Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương.

5. Các rủi ro

- Nhà máy phải sử dụng 100% than pha trộn nhập khẩu, trong khi các năm trước đó tỷ lệ than pha trộn nhập khẩu chỉ là 50%. Bên cạnh đó, tần suất mức thủy triều thấp cực đoan vẫn diễn ra thường xuyên, nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào tăng cao trong mùa nóng. Các nguyên nhân này dẫn đến suất tiêu hao nhiệt thực hiện cao hơn so với PAGĐ và thực hiện năm 2022;
- Giá than nhập khẩu năm 2023 duy trì ở mức cao, gây khó khăn lớn cho việc cạnh tranh trên thị trường điện và việc thu hồi chi phí biến đổi của Nhà máy;
- Khả năng, nguồn than cung cấp của các Nhà cung cấp tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất cập khó khăn, nhiều thời điểm Công ty phải cân đối nguồn than để đảm bảo duy trì vận hành các Tổ máy cho phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất điện trong năm:
 - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,82 tỷ kWh, đạt 104,0% so với kế hoạch năm và bằng 110,8% so với năm thực hiện cùng kỳ năm 2022. Hoàn thành sớm trước 9 ngày so với kế hoạch sản lượng năm được ĐHĐCĐ/HĐQT giao.
 - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 7,10 tỷ kWh, đạt 104,2% so với kế hoạch năm và bằng 110,6% so với năm thực hiện cùng kỳ năm 2022;
 - + Công tác sửa chữa lớn các hạng mục thiết bị chính của TM2 cơ bản hoàn thành. Quá trình thi công đảm bảo chất lượng vận hành thiết bị TM, công tác an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường được đảm bảo
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

1	Lợi nhuận theo kế hoạch (sau thuế TNDN)	440,09	Tỷ đồng
2	Lợi nhuận thực hiện (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN)	611,90	Tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023	416,45	Tỷ đồng

Công ty có lợi nhuận SXKD (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN) đạt 611,90 tỷ đồng, cao hơn 171,81 tỷ đồng so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

a)	Ông Ngô Sinh Nghĩa	
*	Chức vụ hiện tại:	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	02/12/1978
*	Nơi sinh:	Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Kim Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh
*	Địa chỉ thường trú:	719/5, Tổ 70, khu 5, Lán Bè, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
*	Điện thoại:	0912571155
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	022078000653 cấp ngày 05/12/2018
*	Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điều khiển tự động
*	Quá trình công tác:	
	Từ 08/2002 - 12/2003:	Công nhân Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
	Từ 01/2004 - 02/2007:	Công nhân Nhà máy điện Uông Bí, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
	Từ 03/2007 - 10/2009:	Chuyên viên phòng Kỹ thuật an toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 11/2009 - 12/2010:	Kỹ sư Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/2011 - 14/9/2011:	Trưởng ca vận hành nhà máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 15/9/2011 - 09/2013:	Phó trưởng phòng Kỹ thuật An toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 10/2013 - 10/2014:	Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng Điện-Tự động Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 11/2014 - 14/6/2016:	Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 15/6/2016 - 21/6/2018:	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 22/6/2018 – 15/6/2020	Phó Tổng giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ của Tổng giám đốc - Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/6/2020 đến nay:	Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Đại diện sở hữu: 47.248.456 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1 (tương đương 25%). Sở hữu cá nhân: Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp

*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
b)	Ông Nguyễn Việt Dũng	
*	Chức vụ hiện tại:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	04/01/1968
*	Nơi sinh:	Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Địa chỉ thường trú:	Khu 5, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Điện thoại:	0944042068
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	027068003910 cấp ngày 12/4/2022
*	Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư công nghệ chế tạo máy - Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế
*	Quá trình công tác:	
	Từ 04/1988 - 12/2002:	Công nhân thợ lắp máy Công ty cổ phần Lilama 69-1
	Từ 01/2003 -05/2007:	Cán bộ kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 69-1
	06/2007- 12/2007:	Đội phó đội lắp máy, Công ty cổ phần Lilama 69-1;
	Từ 01/2008 - 08/2009:	Phân xưởng Lò - Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 09/2009 - 08/2010:	Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 09/2010 - 07/2012:	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật , Công ty Nhiệt điện Uông Bí;
	Từ 08/2012 - 31/01/2013:	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí;
	Từ 01/02/2013-15/4/2016:	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1;
	Từ 16/4/2016- 15/9/2019:	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí (kiêm Trưởng phòng KHVT đến tháng 6/2017);
	Từ 16/9/2019 -28/02/2020:	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1;
	Từ 01/3/2020 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Đại diện sở hữu: 37.798.765 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1 (tương đương 20%). Sở hữu cá nhân: Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không

c)	Ông Lê Việt Cường	
*	Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng giám đốc
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	01/11/1979
*	Nơi sinh:	Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
*	Địa chỉ thường trú:	SN 07, Ngõ 45, Trung Nhị, Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
*	Điện thoại:	0913370971
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	022079013516 cấp ngày 24/3/2022 Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
*	Trình độ chuyên môn:	- Kỹ sư Công nghệ nhiệt - Cử nhân quản trị kinh doanh
*	Quá trình công tác:	
	Từ 02/2004 - 11/2014:	Công tác tại Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 12/2014 - 19/3/2015:	Kỹ thuật viên Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 20/03/2015 - 06/09/2015:	Phó Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 07/09/2015 - 06/09/2019:	Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/03/2017 - 15/11/2017:	Phó trưởng phòng phụ trách, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/11/2017 – 24/3/2019:	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ ngày 25/3/2019 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
d)	Ông Trần Vũ Linh	
*	Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	02/10/1985
*	Nơi sinh:	Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Phù Long, Mỹ Lộc, Nam Định
*	Địa chỉ thường trú:	Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh
*	Điện thoại:	0946751188
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	022085005722 cấp ngày 10/10/2019 Cục Cảnh sát

		QLHC về TTXH
*	Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Quản lý kinh tế - Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
*	Quá trình công tác:	
	Từ 12/2007 - 19/3/2015:	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 20/3/2015 - 24/4/2016:	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 25/4/2016 - 02/2017:	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/3/2017 - 15/11/2017:	Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/11/2017 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 833 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	8.050.555	7.379.930	-8,3
Doanh thu thuần (mã số 10)	10.417.177	12.058.194	15,8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (mã số 30)	808.889	648.536	-19,8
Lợi nhuận khác (mã số 40)	-4.089	-4.140	1,2
Lợi nhuận trước thuế (mã số 50)	804.800	644.396	-19,9
Lợi nhuận sau thuế (mã số 60)	764.136	611.901	-19,9
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	22,5%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2022	2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn):	2,38	2,12
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn):	2,13	1,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,23	0,28
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,31	0,39
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (lần)	22,84	20,16
+ Vòng quay tài sản Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (lần)	1,23	1,56
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	7,34	5,07
+ hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	12,40	11,56
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	9,49	8,29
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	7,76	5,38

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

a) Cổ phần: 450.000.000 cổ phần chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 12/12/2023

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I.	Cổ đông trong nước	5.372	444.619.700	98,804
1.	Tổ chức	42	408.734.965	90,830
2.	Cá nhân	5.330	35.884.735	7,974
II.	Cổ đông nước ngoài	32	5.380.300	1,196
1.	Tổ chức	8	5.305.400	1,179
2.	Cá nhân	24	74.900	0,017
	Tổng cộng:	5.404	450.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2023, Công ty không thay đổi vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Công ty đang triển khai công tác LCNT gói thầu tư vấn lập Báo cáo Kiểm kê khí thải nhà kính của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty đang thực hiện bước thẩm tra đề trình duyệt/thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải Nhà máy.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

- Tổng lượng than đốt là 3.864.091,37 tấn.
- Tổng lượng dầu đốt kèm và khởi động là 10.059.200 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi.
- Năng lượng điện để phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa và phát điện là 9,16% (tương đương 716.204.346 kWh).

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiếp tục thực hiện chương trình tiết kiệm điện tự dùng trong nhà máy/thực hành chương trình tiết kiệm điện tại nơi làm việc của EVN và thực hiện định kỳ kiểm toán năng lượng TM theo quy định của Bộ Công thương.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Thực hành chương trình tiết kiệm điện trong EVN.
- Tiếp tục chuyển đổi các thiết bị tiêu thụ điện truyền thống sang tiết kiệm năng lượng.
- Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMD Quảng Ninh 2021-2025.
- Áp dụng các cải tiến, sáng kiến, ứng dụng chuyển đổi số trong năm, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và điện tự dùng.
- Kết quả:
 - + Tỷ lệ điện tự dùng thực hiện bình quân năm 2023 (9,16%), thấp hơn định mức PPA;
 - + Suất tiêu hao dầu FO thực hiện bình quân năm 2023 (1,42 g/kWh), thấp hơn định mức PPA.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước ngọt: Công ty ký Hợp đồng mua nước với Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh từ nguồn nước ngọt Hồ Cao Vân, lượng nước ngọt sử dụng trong năm là 2.215.908 m³.
- Nước tuần hoàn: Lượng nước sử dụng trong năm là 1.294.514.172 m³ được lấy từ sông Diễn Vọng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Nước sau xử lý của hệ thống nước thải công nghiệp được đưa vào sử dụng tại hệ thống tái xử, tổng lượng nước tái chế là 65.399 m³.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2023 là 833 người.
- Mức lương bình quân toàn Công ty năm 2023 là 29,98 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn: Tổ chức các khu vực làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty đã trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động/công cụ dụng cụ cho công nhân/người lao động theo quy định của Nhà nước như: Quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng, bổ sung/thay thế máy tính ... và tổ chức bộ phận chuyên trách về công tác an toàn lao động và xây dựng hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên nhằm đảm bảo cao nhất an toàn lao động.
- Chế độ bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được Công ty thực hiện đúng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ chăm sóc sức khỏe: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; đo, kiểm tra môi trường lao động; tổ chức cấp phát hiện vật bồi dưỡng cho lao động làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm; tổ chức cho người lao động đi nghỉ dưỡng sức, phục hồi chức năng để tái tạo sức lao động theo quy định. Bộ phận y tế của Công ty luôn thường trực 24/24h để cấp thuốc, sơ cứu những rủi ro về sức khỏe người lao động.

- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý lao động, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Tập trung công tác đào tạo theo chiều sâu để nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo từ các khâu nội dung chương trình, chất lượng giảng viên và chú trọng khâu kiểm tra, sát hạch sau quá trình đào tạo; người lao động thông thạo nhiều kỹ năng công việc, có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí.
- Tổ chức thăm quan, học tập trao đổi kinh nghiệm cũng như chia sẻ kinh nghiệm với các đơn vị trong ngành theo các chuyên đề, vị trí công việc.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2023, Công đoàn Công ty phối hợp cùng chuyên môn Công ty đã thực hiện hỗ trợ tại địa phương, thành phố Hạ Long và phường, xã nơi Công ty đóng chân các hoạt động như: Tết sum vầy; Thăm tặng quà cho 70 hộ khó khăn, gia đình chính sách trong dịp tết nguyên đán 2023 và các hoạt động kỷ niệm 8/3, 20/10, trung thu tại địa phương; Ủng hộ huyện Bình Liêu; Ủng hộ Quỹ Hỗ trợ tài năng trẻ tỉnh Quảng Ninh; Hội người mù Tỉnh Quảng Ninh; Quỹ nạn nhân chất độc da cam tỉnh Quảng Ninh; Hỗ trợ sắm trang thiết bị Nhà văn hóa khu phố 5, phường Hà Khánh; Ủng hộ các công trình trào mừng 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh; Ủng hộ kinh phí hỗ trợ làm nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tỉnh Điện Biên, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố thông qua MTTQ thành phố... với tổng số tiền là 814,2 triệu đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng chỉ tiêu chính thực hiện năm 2023

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2023	TH năm 2023	So sánh (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tỷ kWh	7,52	7,82	103,99
2	Sản lượng điện bán cho EVN	Tỷ kWh	6,82	7,10	104,11
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11.920,99	12.082,26	101,35
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	11.457,74	11.437,86	99,83
7	Tổng lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	463,25	644,40	139,10
8	Tổng lợi nhuận (sau thuế)	Tỷ đồng	440,09	611,90	139,04
9	Cổ tức	Tỷ đồng	450,00		

Với không ít khó khăn thách thức trong năm 2023; tuy nhiên Công ty đã cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm (trừ chỉ tiêu Suất hao nhiệt vẫn cao hơn PPA và Hệ số đáp ứng chưa đạt kế hoạch do Nhà máy phải sử dụng chủ yếu sử dụng chủng loại than pha trộn nhập khẩu 5b.14 với chỉ tiêu chất bốc cao, đơn giá cao, làm tăng suất tiêu hao than, tăng chi phí than và tần suất thủy triều thấp cực đoan vẫn diễn ra thường xuyên; các tổ máy còn xảy ra sự cố, thời gian bảo dưỡng sửa chữa kéo dài, suy giảm công suất do khiếm khuyết thiết bị, lưu lượng nước tuần hoàn không đủ. Để có được kết quả này, Công ty đã thực hiện các biện pháp:

- Đề ra các kế hoạch, mục tiêu hoạt động ngay từ đầu năm. Chủ động thực hiện các giải pháp thực hiện kế hoạch phát điện mùa khô.
- Thực hiện các giải pháp để tiến hành công tác sửa chữa lớn TM2; Chú trọng, tăng cường công tác quản lý, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị; Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMTD Quảng Ninh 2021-2025.
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí trong mua sắm và sản xuất; nâng cao năng suất lao động.
- Chủ động và linh hoạt trong tham gia Thị trường điện phát điện cạnh tranh.
- Công tác tự kiểm tra và kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro được tăng cường trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.
- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2022	2023	% biến động
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.732.467	3.944.391	5,7
Tiền và tương đương tiền	23.917	157.680	559,3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	771.500	1.500	-99,8
Phải thu khách hàng	2.503.117	2.979.072	19,0
Trả trước cho người bán	667	667	0,0
Các khoản phải thu khác	200.693	193.244	-3,7
Dự phòng phải thu khó đòi	(189.119)	(189.319)	0,1
Hàng tồn kho	391.031	724.105	85,2
Tài sản lưu động khác	30.661	77.442	152,6
TÀI SẢN DÀI HẠN	4.318.088	3.435.539	-20,4
Phải thu dài hạn			
Tài sản cố định	4.242.271	3.366.815	-20,6
Đầu tư tài chính dài hạn			

Nội dung	2022	2023	% biến động
XDCB dở dang	5.084	6.023	18,5
Tài sản dài hạn khác	70.733	62.701	-11,4
TỔNG TÀI SẢN	8.050.555	7.379.930	-8,3

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 7.379.930 triệu đồng, giảm 8,3% so với thời điểm 31/12/2022.

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là 3.944.391 triệu đồng, tăng 5,7% so với thời điểm ngày 31/12/2022, chủ yếu do khoản mục Tiền và tương đương tiền, Phải thu khách hàng, Hàng tồn kho, Tài sản lưu động khác lần lượt tăng 559,3%, 19,0%, 85,2% và 152,8% %.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2022	2023	% biến động
NỢ PHẢI TRẢ	1.888.163	2.087.469	10,6
Nợ ngắn hạn	1.566.927	1.864.719	19,0
Phải trả người bán	606.822	1.158.677	90,9
Người mua trả tiền trước		1.000	
Vay và nợ ngắn hạn	776.186	98.485	-87,3
Thuế phải nộp	2.235	7.941	255,3
Phải trả người lao động	134.331	150.587	12,1
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.731	1.892	-80,6
Các khoản phải trả khác	4.407	342.509	7.671,9
Dự phòng phải trả ngắn hạn			
Quỹ khen thưởng phúc lợi	33.216	103.627	212,0
Nợ dài hạn	321.235	222.750	-30,7
Vay và nợ dài hạn	321.235	222.750	-30,7

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2023 của Công ty tăng 10,6% tương đương 199.306 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2022, trong đó khoản mục nợ ngắn hạn tăng 19,0% và khoản mục nợ dài hạn giảm 30,7%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty tiếp tục kiện toàn nhân sự thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Quyết định của Chủ sở hữu vốn; rà soát điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch bổ sung các vị trí cán bộ quản lý; Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ quản lý tại một số đơn vị.

Công ty tiếp tục cập nhật các thông tin bổ sung/số hóa các quy chế quản lý nội bộ; thực hiện công tác kiểm tra giám sát nội bộ và quản trị rủi ro.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức; từng bước thay thế các thiết bị có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn.

Hoàn thành công tác sửa chữa lớn TM theo đúng kế hoạch, tiến độ, đảm bảo chất lượng đề ra.

Rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ, luân chuyển các vị trí chức danh, tiếp tục chú trọng công tác đào tạo cán bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động để Công ty ổn định phát triển một cách bền vững.

Tiếp tục áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, chuyển đổi số trong quản lý điều hành và sản xuất.

Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo liên quan đến các dự án về môi trường và các giải pháp nhằm đảm bảo lưu lượng và nhiệt độ nước làm mát đầu vào/ra của Nhà máy.

Duy trì phối hợp với chính quyền địa phương, Tổng công ty Phát điện 1 và Tập đoàn điện lực Việt Nam thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
 - a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:
 - Trong năm, Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường các chỉ tiêu môi trường của Nhà máy như khí thải, nước thải ... nằm trong giới hạn cho phép.
 - Các thông số môi trường của Nhà máy được cơ quan quản lý nhà nước (Sở TNMT) quan trắc, giám sát tự động.
 - b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
 - Người lao động được đảm bảo mức thu nhập, chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, điều kiện làm việc theo quy định của Pháp luật.
 - Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn cơ sở, Công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ người lao động cả về vật chất, tinh thần; cơ chế thưởng, phạt công khai, minh bạch đã góp phần giúp người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động.
 - c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương:
 - Trong năm 2023, Công ty cùng các cấp, ngành, cơ quan đoàn thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã hỗ trợ tại địa phương, thành phố Hạ Long và phường, xã nơi Công ty đóng chân các hoạt động như: Tết sum vầy; Thăm tặng quà cho 70 hộ khó khăn, gia đình chính sách trong dịp tết nguyên đán 2023 và các hoạt động kỷ niệm 8/3, 20/10, trung thu tại địa phương; Ủng hộ huyện Bình Liêu; Ủng hộ Quỹ Hỗ trợ tài năng trẻ tỉnh Quảng Ninh; Hội người mù Tỉnh Quảng Ninh; Quỹ nạn nhân chất độc da

cam tỉnh Quảng Ninh; hỗ trợ sắm trang thiết bị Nhà văn hóa khu phố 5, phường Hà Khánh; Ủng hộ các công trình chào mừng 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh; Ủng hộ kinh phí hỗ trợ làm nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tỉnh Điện Biên, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố thông qua MTTQ thành phố... với tổng số tiền là 814,2 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HDQT) về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HDQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Về sản xuất kinh doanh:
 - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,82 tỷ kWh, đạt 104,0% so với kế hoạch năm và bằng 110,8% so với năm thực hiện cùng kỳ năm 2022. Hoàn thành sớm trước 9 ngày so với kế hoạch sản lượng năm được ĐHĐCĐ/HDQT giao.
 - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 7,10 tỷ kWh, đạt 104,2% so với kế hoạch năm và bằng 110,6% so với năm thực hiện cùng kỳ năm 2022;
 - + Công tác sửa chữa lớn các hạng mục thiết bị chính của TM2 cơ bản hoàn thành. Quá trình thi công đảm bảo chất lượng vận hành thiết bị TM, công tác an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường được đảm bảo.
- Về công tác Thị trường điện: Công ty đã hoàn thành tốt công tác vận hành thị trường điện và mang lại hiệu quả kinh tế. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu thanh toán với Công ty mua bán điện.
- Về công tác tài chính: Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật. Công ty đã cân đối, tối ưu dòng tiền để thanh toán các chi phí phát sinh cho hoạt động SXKD.
- Về việc quyết toán các dự án hoàn thành:
 - + NMD Quảng Ninh 2: Hiện đang được các cấp thẩm quyền thẩm tra hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

2. Đánh giá của HDQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

- Theo định hướng của HDQT, Ban điều hành Công ty đứng đầu là Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp trong sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và linh hoạt trong thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn trong năm, đặc biệt vận hành an toàn các TM phục vụ phát điện mùa khô năm 2023. Kết thúc năm 2022, mục tiêu sản lượng điện sản xuất và lợi nhuận SXKD của Công ty đạt vượt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

- Trong vấn đề quản lý và điều hành SXKD, Ban Điều hành Công ty tiếp tục thực thi cơ chế thưởng phạt rõ ràng, công khai, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và phấn đấu trong từng CBCNV nâng cao năng suất lao động.
- Các hoạt động nghiên cứu sáng kiến, cải tiến; ứng dụng chuyển đổi số, số hóa được lan tỏa, tạo không khí thi đua trong từng đơn vị, từng vị trí lao động góp phần chủ động, linh hoạt trong công việc.

3. Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị

- Trên cơ sở Nghị quyết số 116/NQ-NĐQN ngày 15/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023; HĐQT đã ban hành Quyết định 1186/QĐ-NĐQN ngày 23/6/2023 phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 của Công ty.
- HĐQT tiếp tục đồng hành cùng Ban điều hành trong các hoạt động/định hướng của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và phân cấp của HĐQT, song song duy trì công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành theo Nghị quyết HĐQT, các kiến nghị của Ban kiểm soát và các Đoàn thanh, kiểm tra. Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tuần với Ban điều hành cũng như làm việc trực tiếp với Ban Điều hành để kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, đánh giá, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời để giải quyết các vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện.
- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Ban điều hành và bộ máy lãnh đạo của các đơn vị thông qua việc thực hiện các giải pháp về tổ chức, nhân sự và nghiêm túc tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 14,7%
2.	Ông Ngô Sinh Nghĩa	+ Thành viên HĐQT; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,5%
3.	Ông Nguyễn Việt Dũng	+ Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 8,4%
4.	Ông Phan Duy An	+ Thành viên HĐQT (từ ngày 15/6/2023) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 8,4%
5.	Ông Nguyễn Quang Huy	+ Thành viên HĐQT + Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)

6.	Ông Đặng Huy Vũ	+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 16,4% + Thành viên HĐQT (đến ngày 15/6/2023) + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực TKV – CTCP (DTK) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,6%
	Ông Đoàn Xuân Hiệu	+ Thành viên HĐQT (từ ngày 15/6/2023) + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,6%
7.	Ông Trần Đức Hùng	+ Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/4/2022) + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 11,4%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 09 phiên họp (vào các ngày 16/01/2023; 24/02/2023; 07/4/2023; 12/6/2023; 25/7/2023; 24/9/2023; 27/11/2023; 30/11/2023; 22/12/2023); các thành viên HĐQT đương nhiệm tại thời điểm tổ chức đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và đã ban hành các Nghị quyết như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	06/01/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương phân phối tiền lương cho người lao động Công ty
2	02/NQ-HĐQT	10/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
3	03/NQ-HĐQT	10/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
4	04/NQ-HĐQT	11/01/2023	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
5	05/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
6	06/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
7	07/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
8	08/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về bổ nhiệm cán bộ quản lý
9	09/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về bổ nhiệm cán bộ quản lý
10	10/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về bổ nhiệm cán bộ quản lý
11	11/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
12	12/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
13	13/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
14	14/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết Phiên họp Hội đồng quản trị thứ 1/2023
15	15/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
16	16/NQ-HĐQT	08/02/2023	Nghị quyết về kế hoạch SXKD năm 2023
17	17/NQ-HĐQT	09/02/2023	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
18	18/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về tạm ứng cổ tức năm 2022 (lần 1) bằng tiền
19	19/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
20	20/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
21	21/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
22	22/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt quyết toán SCL theo danh mục

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
23	23/NQ-HĐQT	14/02/2023	Nghị quyết về phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyên nhượng vốn của QTP tại NPS
24	24/NQ-HĐQT	20/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
25	25/NQ-HĐQT	20/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
26	26/NQ-HĐQT	22/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
27	27/NQ-HĐQT	22/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
28	28/NQ-HĐQT	22/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
29	29/NQ-HĐQT	22/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
30	30/NQ-HĐQT	22/02/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
31	31/NQ-HĐQT	02/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
32	32/NQ-HĐQT	06/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
33	33/NQ-HĐQT	06/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
34	34/NQ-HĐQT	06/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
35	35/NQ-HĐQT	08/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
36	36/NQ-HĐQT	08/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
37	37/NQ-HĐQT	13/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
38	38/NQ-HĐQT	13/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
39	39/NQ-HĐQT	14/3/2023	Nghị quyết về quyết toán tiền lương
40	40/NQ-HĐQT	19/3/2023	Nghị quyết Phiên họp thứ 2 năm 2023
41	41/NQ-HĐQT	25/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
42	42/NQ-HĐQT	25/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
43	43/NQ-HĐQT	25/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
44	44/NQ-HĐQT	27/3/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
45	45/NQ-HĐQT	27/3/2023	Nghị quyết về phê duyệt nội dung phụ lục hợp đồng bổ sung giá mua than trộn
46	46/NQ-HĐQT	30/3/2023	Nghị quyết về gia hạn tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2023
47	47/NQ-HĐQT	03/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
48	48/NQ-HĐQT	06/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
49	49/NQ-HĐQT	06/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
50	50/NQ-HĐQT	06/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
51	51/NQ-HĐQT	07/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
52	52/NQ-HĐQT	13/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
53	53/NQ-HĐQT	15/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
54	54/NQ-HĐQT	15/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
55	55/NQ-HĐQT	15/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
56	56/NQ-HĐQT	15/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
57	57/NQ-HĐQT	19/4/2023	Nghị quyết về thông qua chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại
58	58/NQ-HĐQT	19/4/2023	Nghị quyết về bổ nhiệm lại cán bộ
59	59/NQ-HĐQT	19/4/2023	Nghị quyết về thông qua chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại
60	60/NQ-HĐQT	19/4/2023	Nghị quyết về thông qua chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại
61	61/NQ-HĐQT	24/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
62	62/NQ-HĐQT	24/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
63	63/NQ-HĐQT	28/4/2023	Nghị quyết về thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023
64	64/NQ-HĐQT	29/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
65	65/NQ-HĐQT	29/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
66	66/NQ-HĐQT	29/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
67	67/NQ-HĐQT	29/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
68	68/NQ-HĐQT	29/4/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
69	69/NQ-HĐQT	06/5/2023	Nghị quyết về thông qua chủ trương vốn vay lưu động
70	70/NQ-HĐQT	06/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
71	71/NQ-HĐQT	06/5/2023	Nghị quyết về thay đổi giá than cho sản xuất điện năm 2023
72	72/NQ-HĐQT	06/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
73	73/NQ-HĐQT	06/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
74	74/NQ-HĐQT	09/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
75	75/NQ-HĐQT	11/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
76	76/NQ-HĐQT	14/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
77	77/NQ-HĐQT	16/5/2023	Nghị quyết về việc thông qua tạm ứng cổ tức năm 2023 (lần 2) bằng tiền.
78	78/NQ-HĐQT	19/5/2023	Nghị quyết phiên họp thứ 3 năm 2023
79	79/NQ-HĐQT	19/5/2023	Nghị quyết về việc kiện toàn cán bộ quản lý
80	80/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
81	81/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
82	82/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
83	83/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
84	84/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
85	85/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
86	86/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về điều chỉnh giá than cho sản xuất điện năm 2023
87	87/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
88	88/NQ-HĐQT	22/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
89	89/NQ-HĐQT	24/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
90	90/NQ-HĐQT	24/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
91	91/NQ-HĐQT	29/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
92	92/NQ-HĐQT	31/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
93	93/NQ-HĐQT	31/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
94	94/NQ-HĐQT	31/5/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
95	95/NQ-HĐQT	06/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
96	96/NQ-HĐQT	06/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
97	97/NQ-HĐQT	06/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
98	98/NQ-HĐQT	06/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
99	99/NQ-HĐQT	08/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
100	100/NQ-HĐQT	08/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
101	101/NQ-HĐQT	10/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
102	102/NQ-HĐQT	10/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
103	103/NQ-HĐQT	10/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
104	104/NQ-HĐQT	10/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
105	105/NQ-HĐQT	10/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
106	106/NQ-HĐQT	12/6/2023	Nghị quyết Phiên thứ 4 năm 2023
107	107/NQ-HĐQT	12/6/2023	Nghị quyết về điều chỉnh nội dung phụ lục điều chỉnh thời hạn thanh toán tiền than
108	108/NQ-HĐQT	12/6/2023	Nghị quyết về việc điều chỉnh phụ lục Hợp đồng

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			mua bán than năm 2023
109	109/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về quy hoạch cán bộ trong Công ty giai đoạn 2021-2026
110	110/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
111	111/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
112	112/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
113	113/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
114	114/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
115	115/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
116	117/NQ-HĐQT	16/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
117	118/NQ-HĐQT	25/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
118	119/NQ-HĐQT	29/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
119	120/NQ-HĐQT	29/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
120	121/NQ-HĐQT	30/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
121	122/NQ-HĐQT	30/6/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
122	123/NQ-HĐQT	03/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
123	124/NQ-HĐQT	05/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
124	125/NQ-HĐQT	06/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
125	126/NQ-HĐQT	12/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
126	127/NQ-HĐQT	12/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
127	128/NQ-HĐQT	12/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
128	129/NQ-HĐQT	13/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
129	130/NQ-HĐQT	19/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
130	131/NQ-HĐQT	19/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
131	132/NQ-HĐQT	26/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
132	133/NQ-HĐQT	26/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
133	134/NQ-HĐQT	26/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
134	135/NQ-HĐQT	26/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
135	136/NQ-HĐQT	26/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
136	137/NQ-HĐQT	26/7/2023	Nghị quyết về điều chỉnh giá than trong hợp đồng mua bán than năm 2023
137	138/NQ-HĐQT	26/7/2023	Nghị quyết về điều chỉnh giá than trong hợp đồng mua bán than năm 2023
138	139/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
139	140/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
140	141/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
141	142/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
142	143/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
143	144/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
144	145/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
145	146/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
146	147/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về nội dung sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán than năm 2023
147	148/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về thông qua chủ trương nghiên cứu các giải pháp làm mát tuần hoàn kín 04 Tổ máy
148	149/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
149	150/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 5 năm 2023
150	151/NQ-HĐQT	04/8/2023	Nghị quyết về thông qua chi trả cổ tức phần còn lại năm 2022 bằng tiền

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
199	200/NQ-HĐQT	10/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
200	201/NQ-HĐQT	14/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
201	202/NQ-HĐQT	14/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
202	203/NQ-HĐQT	14/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
203	204/NQ-HĐQT	14/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
204	205/NQ-HĐQT	15/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
205	206/NQ-HĐQT	15/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
206	207/NQ-HĐQT	15/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
207	208/NQ-HĐQT	20/11/2023	Nghị quyết về công tác cán bộ
208	209/NQ-HĐQT	21/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
209	210/NQ-HĐQT	23/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
210	211/NQ-HĐQT	23/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
211	212/NQ-HĐQT	24/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
212	213/NQ-HĐQT	24/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
213	214/NQ-HĐQT	24/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
214	215/NQ-HĐQT	24/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
215	216/NQ-HĐQT	27/11/2023	Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 7 năm 2023
216	217/NQ-HĐQT	27/11/2023	Nghị quyết về việc thông qua nội dung lấy ý kiến bằng văn bản
217	218/NQ-HĐQT	27/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
218	219/NQ-HĐQT	30/11/2023	Nghị quyết về phê duyệt bổ nhiệm cán bộ quản lý
219	220/NQ-HĐQT	30/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
220	221/NQ-HĐQT	30/11/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
221	222/NQ-HĐQT	30/11/2023	Nghị quyết Phiên họp HĐQT thứ 8 năm 2023
222	223/NQ-HĐQT	30/11/2023	Nghị quyết về thông qua chủ trương đàm phán Qc tháng 12
223	224/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
224	225/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
225	226/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
226	227/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
227	228/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
228	229/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
229	230/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
230	231/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
231	232/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
232	233/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt mức độ quan trọng của thiết bị và định mức VTTB dự phòng chiến lược
233	234/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
234	235/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
235	236/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
236	237/NQ-HĐQT	07/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
237	238/NQ-HĐQT	14/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
238	239/NQ-HĐQT	14/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
239	240/NQ-HĐQT	14/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
240	241/NQ-HĐQT	15/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
241	242/NQ-HĐQT	15/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
242	243/NQ-HĐQT	15/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
243	244/NQ-HĐQT	15/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
244	245/NQ-HĐQT	15/12/2023	Nghị quyết về phê duyệt Hợp đồng mua bán than năm 2024 với các Nhà cung cấp
245	246/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết về chủ trương nghiên cứu về chuyển đổi nhiên liệu
246	247/NQ-HĐQT	19/12/2023	Nghị quyết về việc điều chỉnh các khoản chi có tính chất phúc lợi
247	249/NQ-HĐQT	22/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
248	250/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 9 năm 2023
249	251/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết về chuyên đổi mục đích sử dụng vật tư
250	252/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
251	253/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
252	254/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
253	255/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết về ban hành quy chế thi đua khen thưởng
254	256/NQ-HĐQT	28/12/2023	Nghị quyết về phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế phân phối tiền lương người lao động
255	257/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
256	258/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
257	259/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
258	260/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
259	261/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
260	262/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
261	263/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
262	264/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
263	265/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
264	266/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết về phê duyệt nội dung phụ lục hợp đồng bổ sung giá mua than trộn

Các cuộc họp của HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các khóa đào tạo về Quản trị Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1.	Ông Phan Duy An	+ Trưởng BKS (đến ngày 15/6/2023) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
	Ông Nguyễn Hữu Thành	+ Trưởng BKS (từ ngày 15/6/2023) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
2.	Ông Dương Đình Hòa	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
3.	Ông Ngô Văn Điện	+ Thành viên BKS (đến ngày 15/6/2023) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

	Bà Tăng Minh Hằng	+ Thành viên BKS (từ ngày 15/6/2023) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
4.	Bà Vũ Thị Hoàng Yến	+ Thành viên BKS (đến ngày 15/6/2023) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
	Bà Hồ Nguyễn Phương Trâm	+ Thành viên BKS (đến ngày 15/6/2023) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
	Ông Nguyễn Hải Đăng	+ Thành viên BKS (từ ngày 15/6/2023) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
5.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2023 Ban Kiểm soát tổ chức kiểm soát kỳ 1 (từ ngày 24/7-28/7/2023), kỳ 2 (từ ngày 06/11-10/11/2023).
- Ban kiểm soát đã tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, công tác tiếp nhận, tiêu thụ, thanh toán tiền mua than, dầu, tro bay khô, xỉ, công tác LCNT và hoạt động kinh doanh năm 2023.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2023:

1.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	923.597.126	VND
2.	Ông Ngô Sinh Nghĩa	910.956.076	VND
3.	Ông Nguyễn Việt Dũng	829.449.688	VND
4.	Ông Lê Việt Cường	849.128.401	VND
5.	Ông Nguyễn Quang Huy	189.668.165	VND
6.	Ông Đặng Huy Vũ	134.062.358	VND
7.	Ông Trần Đức Hùng	166.911.556	VND
8.	Ông Đoàn Xuân Hiệu	62.605.807	VND
9.	Ông Phan Duy An	197.742.865	VND
10.	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	12.756.609	VND
11.	Ông Nguyễn Hữu Thành	83.995.844	VND
12.	Ông Dương Đình Hòa	222.946.493	VND
13.	Ông Nguyễn Hải Đăng	62.605.807	VND
14.	Bà Tăng Minh Hằng	62.605.807	VND
15.	Ông Ngô Văn Điện	120.802.462	VND
16.	Bà Vũ Thị Hoàng Yến	120.802.462	VND
17.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	176.408.269	VND
18.	Bà Hồ Nguyễn Phương Trâm	120.802.462	VND

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Phụ lục chi tiết đính kèm.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch với cổ đông nội bộ có liên quan năm 2023:
- + Giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam:
 - Mua điện: 25,26 tỷ đồng;
 - Chi phí lãi vay: 26,93 tỷ đồng;
 - Công ty Mua bán điện: Doanh thu bán điện: 12.043,63 tỷ đồng.
 - Chi phí dịch vụ: Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 1,82 tỷ đồng; Công ty Truyền tải Điện 1: 3,41 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc: 2,70 tỷ đồng; Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP: 21,82 tỷ đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty (*chi tiết kèm theo*) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán và kiểm toán (bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- <http://www.quangninhtpc.com.vn>
(bộ phận IT - P.KT t/hiện);
- Lưu: VT, KHVT, KT, HCLD, ATMT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Sinh Nghĩa

Phụ lục
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Mã CP	Tổ chức /người giao dịch	Chức vụ	Người liên quan		SLCP trước GD	Đăng ký				Kết quả			SLCP sau GD	Tỷ lệ %	Ghi chú
			Tên	Chức vụ		Mua	Bán	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Mua	Bán	Ngày thực hiện			
QTP	Truong Thị Lan Vân		Trần Vũ Linh	KTT	0	5.000	0	29/11/2023	29/11/2023	5.000		29/11/2023	5.000	0,00	